CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

FireAnt

CTCP SJ Group

Ngày 30/09/2024	69,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.4%	**11.1%**	**-5.5%**

DT thuần
Q3/24
128
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00| 7.2%
YoY: ▼45.0| -26.2%

LN thuần
Q3/24
64.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.50| -9.3%
YoY: ▲ 3.70| 6.1%

LN sau thuế
Q3/24
47.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.40| -10.3%
YoY: ▲ 12.3| 35.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
49.9%
YoY: +/-▼ 8.9%

ROE (TTM)
Q3/24
8.1%
YoY: +/-▲ 0.3%

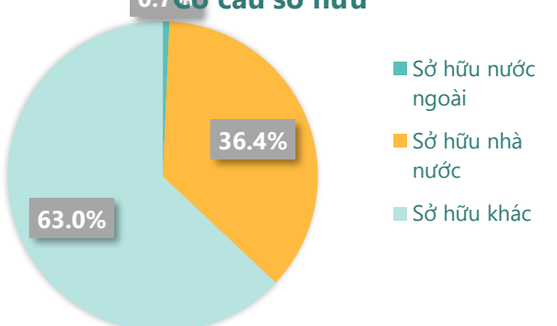
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	55,200 - 79,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,882
Số lượng CPLH (CP)	113,897,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	369,746
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.68
EPS	1,974
P/E	35.1

DT thuần
9T 2024
365
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 119| 48.1%

LN thuần
9T 2024
194
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.0| 27.7%

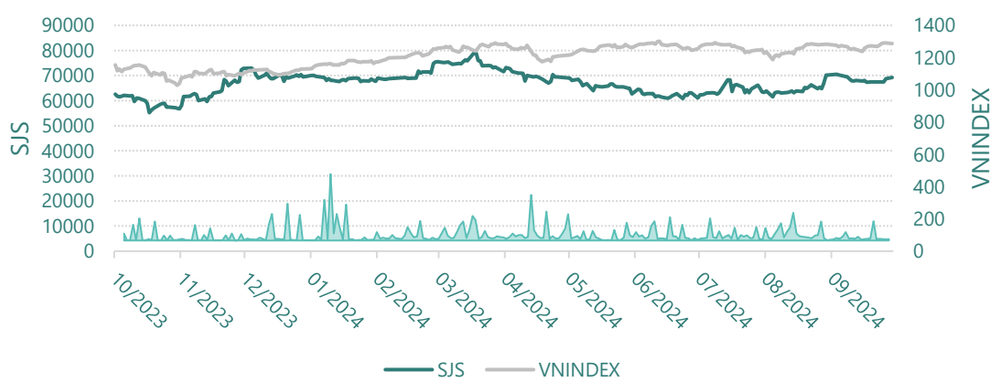
LN sau thuế
9T 2024
144
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.0| 39.8%

Cơ cấu sở hữu

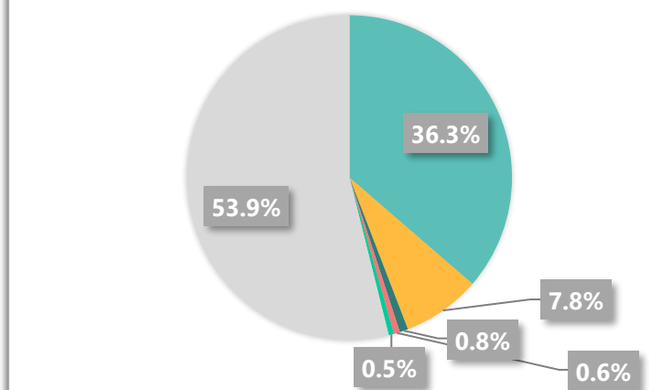


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



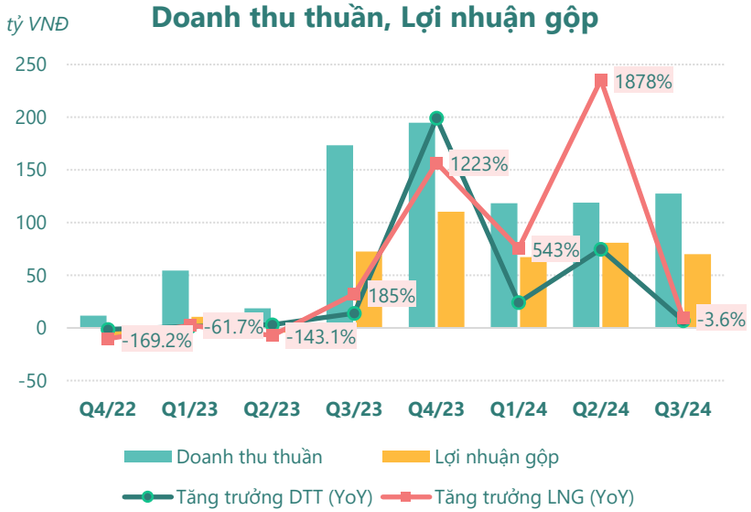
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

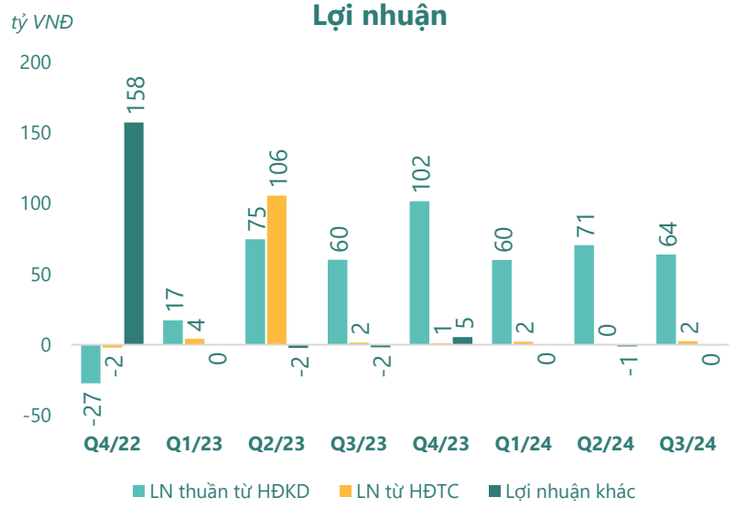
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



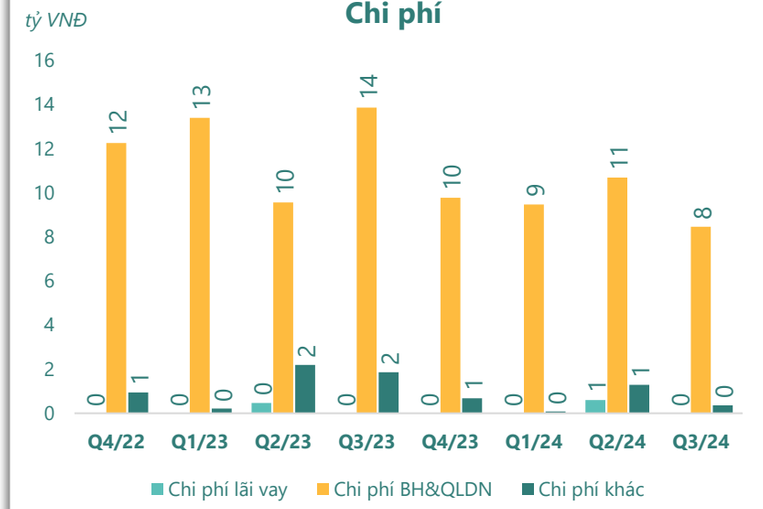
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



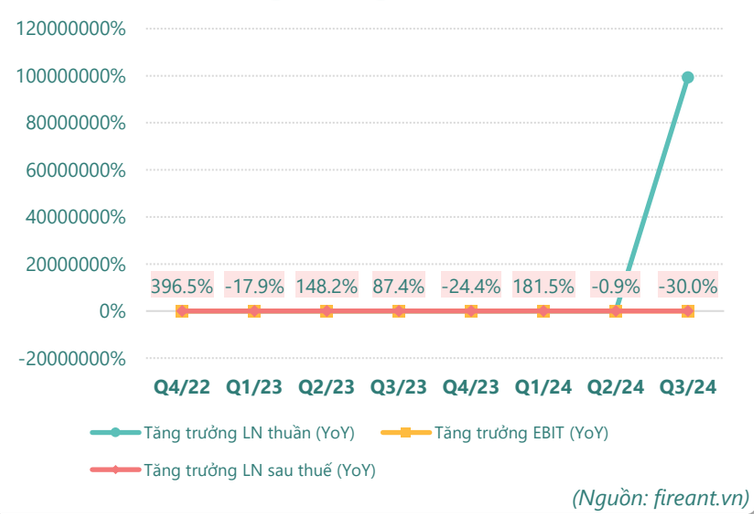
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



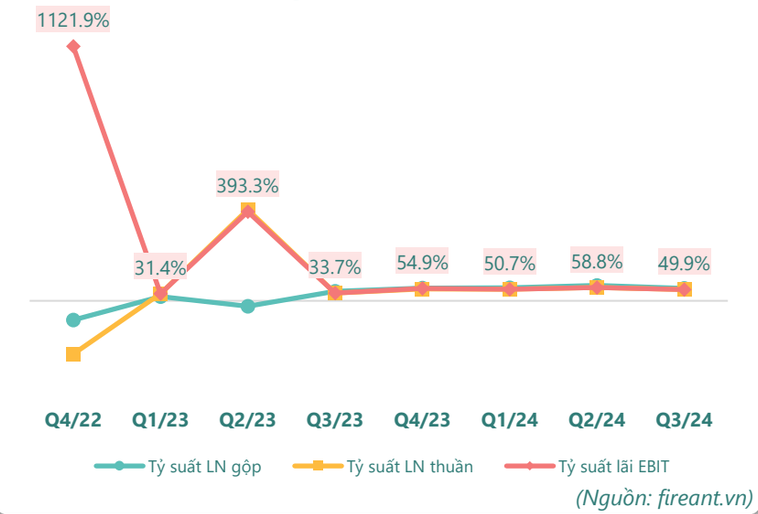
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



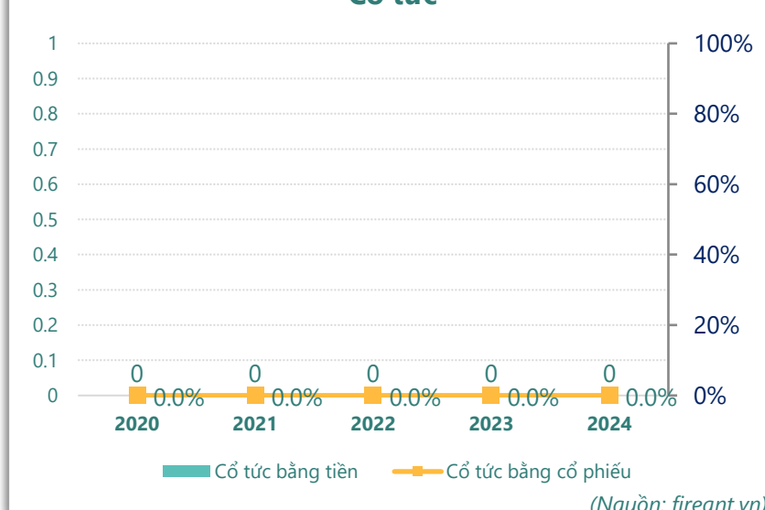
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

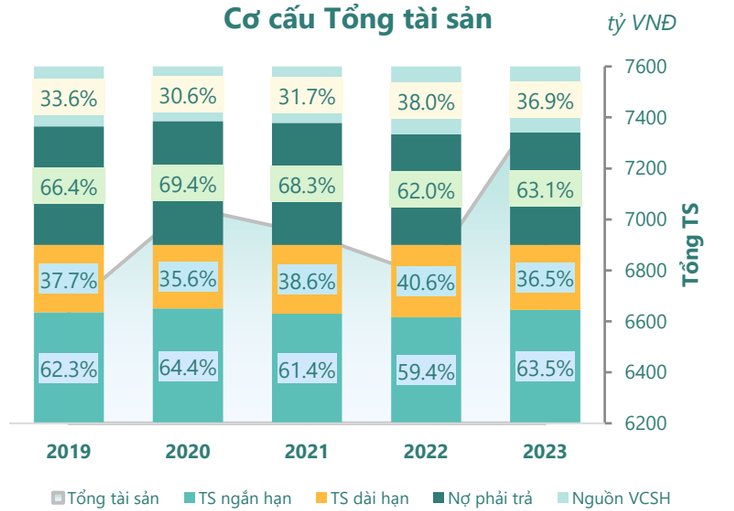
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

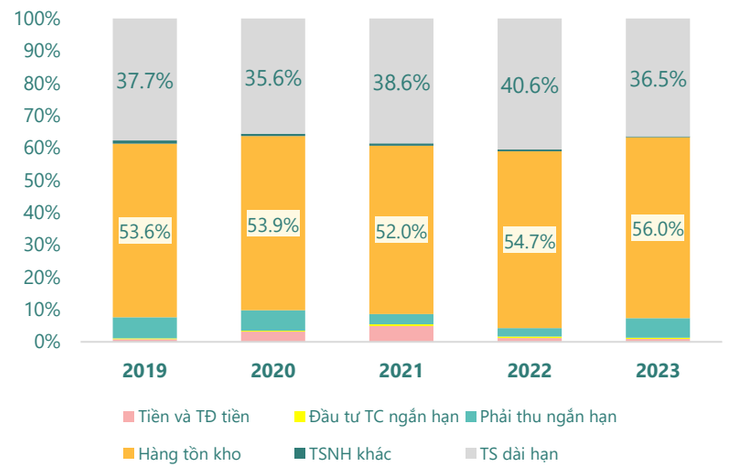
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



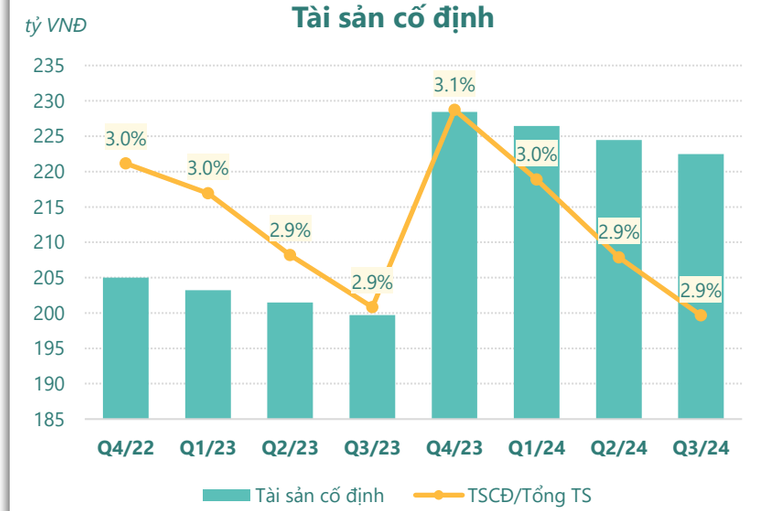
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



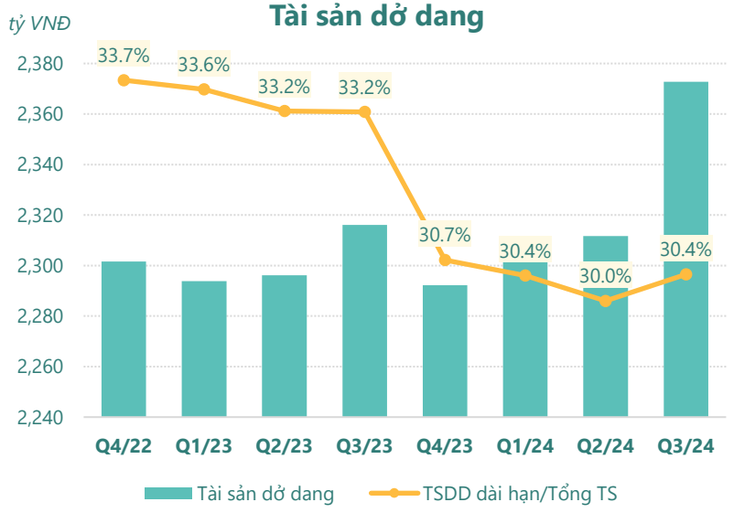
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



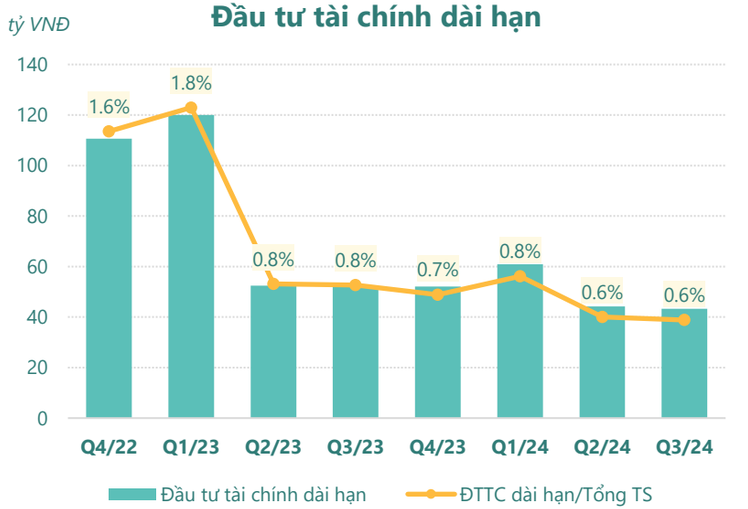
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



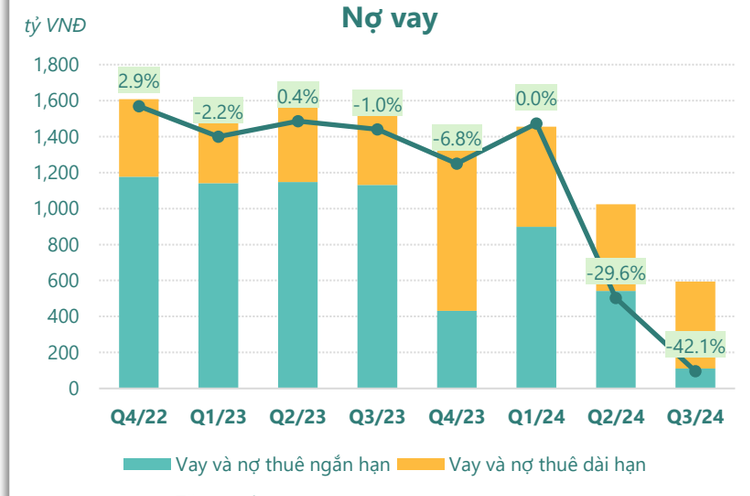
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

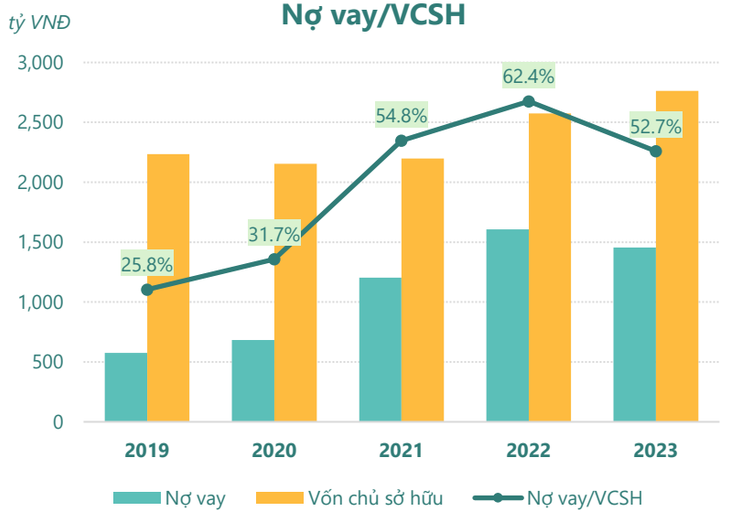
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

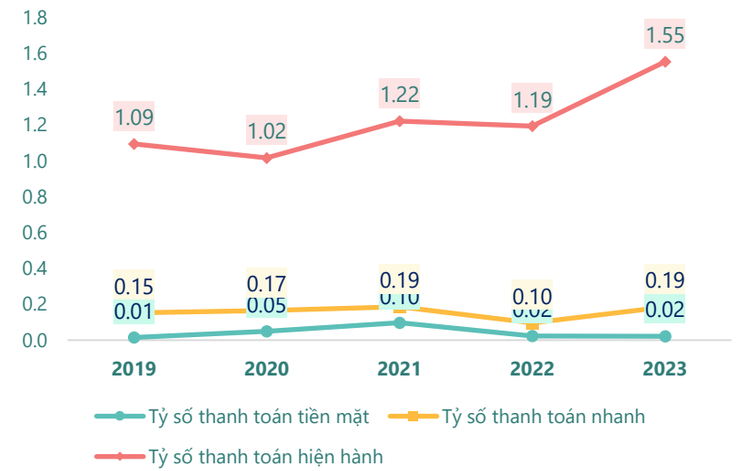
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



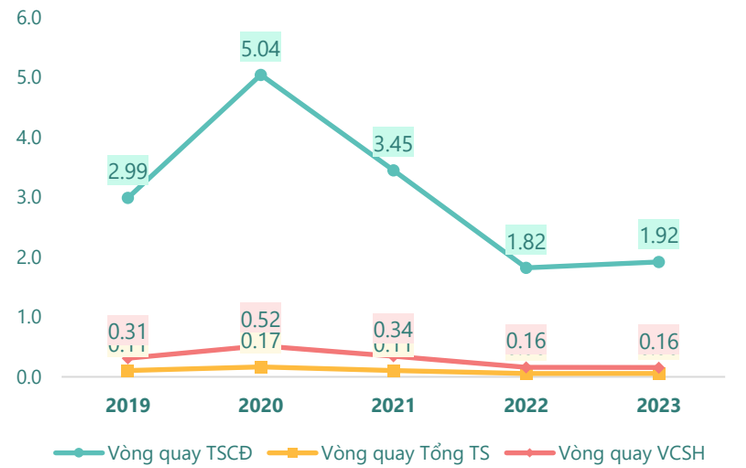
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



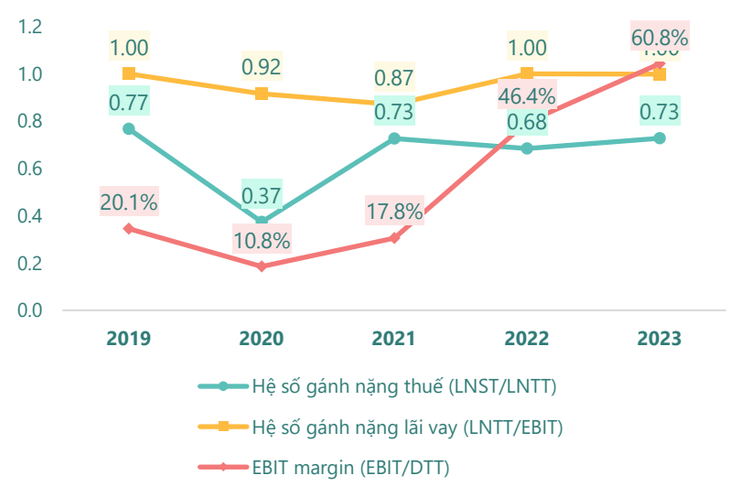
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



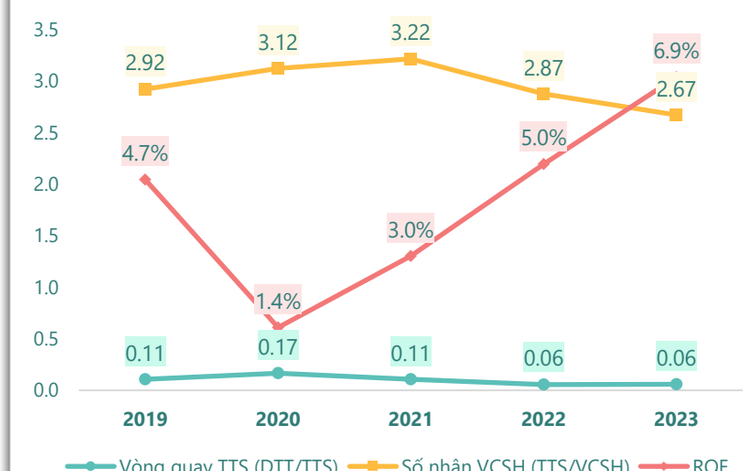
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



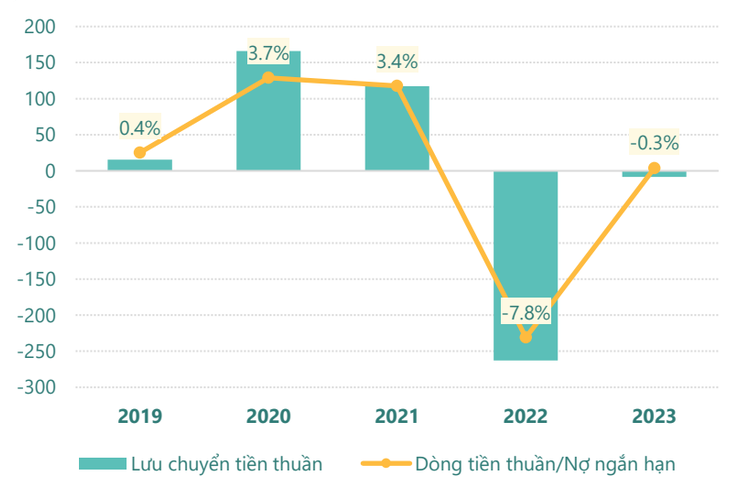
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**128**	**173**	**-26.2%**	**365**	**246**	**48.1%**
Giá vốn hàng bán	57.7	101	-42.9%	147	168	-12.5%
Lợi nhuận gộp	70.0	72.6	-3.6%	218	78.5	178%
Doanh thu HĐTC	0.99	0.63	56.4%	4.20	112	-96.2%
Chi phí TC	-1.47	-0.93	-57.6%	-0.89	0.39	-327%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.60	0.47	26.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-0.67**	**100%**
Chi phí bán hàng	0.46	0.00		1.57	1.17	33.6%
Chi phí QLDN	**8.00**	**13.9**	**-42.5%**	**27.1**	**35.7**	**-24.1%**
LN thuần từ HĐKD	64.0	60.3	6.1%	194	152	27.7%
Lợi nhuận khác	**-0.33**	**-1.87**	**82.5%**	**-1.70**	**-4.21**	**59.7%**
LN trước thuế	63.6	58.4	8.9%	193	148	30.2%
Lợi nhuận sau thuế	**47.3**	**35.0**	**35.1%**	**144**	**103**	**39.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**47.1**	**35.4**	**33.0%**	**143**	**105**	**37.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	-23.9	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	3.01	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	68.2	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**-20.9**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	47.3	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,799**	**7,474**	**4.3%**
Tài sản ngắn hạn	5,015	4,750	5.6%
Tiền và tương đương tiền	35.0	68.2	-48.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.6	24.5	62.0%
Phải thu ngắn hạn	614	454	35.2%
Hàng tồn kho	4,306	4,182	2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	20.5	3.5%
Tài sản dài hạn	**2,784**	**2,724**	**2.2%**
Phải thu dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản cố định	222	228	-2.6%
Bất động sản đầu tư	4.59	5.06	-9.4%
Tài sản dở dang	2,373	2,292	3.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.3	53.3	-18.8%
Tài sản dài hạn khác	**23.6**	**28.4**	**-16.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,930	4,712	4.6%
Nợ ngắn hạn	**1,801**	**3,058**	**-41.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	899	-87.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	114	141	-19.5%
Nợ dài hạn	3,130	1,655	89.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	482	556	-13.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,869**	**2,762**	**3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,869**	**2,762**	**3.9%**
Vốn điều lệ	1,149	1,149	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)